

Phụ lục IV
Appendix IV
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
ANNUAL REPORT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

Công ty cổ phần
Thông Quảng Ninh
COMPANY'S NAME

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

Số: ~~124~~/BC-TQN
No:/BC-....

Uông Bí, ngày 23 tháng 03 năm 2021
....., month... day...year...

BÁO CÁO /ANNUAL REPORT
Thường niên năm 2020 /Year

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.

To: - The State Securities Commission;
- The Stock Exchange.

I. Thông tin chung/General information

1. Thông tin khái quát/General information

- Tên giao dịch/Trading name: Công ty cổ phần Thông Quảng Ninh
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/Business Registration Certificate No.: 5700478344
- Vốn điều lệ/Charter capital: 36.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/Owner's capital: 149.614.698.819 đồng (Một trăm bốn mươi chín tỷ, sáu trăm mười bốn triệu, sáu trăm chín mươi tám nghìn, tám trăm mười chín đồng.)
- Địa chỉ/Address: Khu Bì Trung 1 – Phường Phương Đông – TP Uông Bí – Tỉnh Quảng Ninh.
- Số điện thoại/Telephone: 02033854274
- Số fax/Fax: 02033854263
- Website: WWW.quangninhpine.com
- Mã cổ phiếu (nếu có)/Securities code (if any): TQN
- Quá trình hình thành và phát triển/Establishment and development process (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/Date of establishment, time of listing, and development milestones since the establishment until now).
- Quá trình hình thành và phát triển/ Foundation and development process (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/Date of incorporation, time of listing, and development milestones since the establishment until now). Được thành lập 1979 với tên gọi: Xí nghiệp Thông Quảng Ninh
- Từ năm 1979 đến 31/12/2003 là doanh nghiệp Nhà nước với nhiệm vụ chính là quản lý bảo vệ, xây dựng phát triển rừng và sản xuất nông - Lâm kết hợp.
- Năm 2000 được đổi tên thành: Công ty Thông Quảng Ninh
- Thực hiện quyết định số: 4647/QĐ - UB ngày 17/12/2003 của UBND tỉnh Quảng Ninh, từ ngày 01 tháng 01 năm 2004 công ty Thông Quảng Ninh chuyển đổi thành Công ty cổ phần Thông Quảng Ninh hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần.
- Từ ngày 01/01/2004 đến nay giữ nguyên tên là : Công ty cổ phần Thông Quảng Ninh

- Các sự kiện khác/ Other events:

2. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ Business lines and locations of the business:*

- Ngành nghề kinh doanh/*Business lines*: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/*Specify major lines of business or products and services which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

Khai thác, thu mua, chế biến nhựa thông xuất nhập khẩu sản phẩm nhựa thông, tùng hương và dầu thông

- Địa bàn kinh doanh/*Location of business*: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ *Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

- Địa bàn kinh doanh trụ sở chính: và tổ chức sản xuất và chế biến: *Khu B1 trung I, Phường Phương Đông thành phố Uông Bí - Quảng Ninh - VN*

- Địa điểm: *khai thác, thu mua nhựa thông trên đại bàn tỉnh Quảng Ninh và các tỉnh có khai thác nhựa thông, nhập khẩu nhựa thông.*

- Thị trường tiêu thụ sản phẩm: *trong nước và xuất khẩu*

3. *Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ Information about governance model, business organization and managerial apparatus*

- Mô hình quản trị (nêu rõ mô hình theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp)/*Governance model (as stipulated in Article 137 of the Law on Enterprises)*.

- Cơ cấu bộ máy quản lý/*Management structure*.

+ *Hội đồng quản trị:*

1. Ông: *Dương Văn Thơm, chủ tịch hội đồng quản trị - Tổng giám đốc*

2. Ông: *Trần Việt Hùng, thành viên hội đồng quản trị - Phó tổng giám đốc*

3. Ông: *Dương Trọng Hiếu, thành viên hội đồng quản trị - Phó tổng giám đốc*

+ *Ban kiểm soát:*

1. Ông: *Trần Văn Sơn – Trưởng ban kiểm soát*

2. Ông: *Nguyễn Mạnh Khiêm - thành viên ban kiểm soát*

3. Ông: *Tạ Ngọc Vượng - thành viên ban kiểm soát*

+ *Các phòng nghiệp vụ:*

1. Phòng kế hoạch nguyên liệu - kinh doanh tiêu thụ

2. Phòng Tài chính - kế toán

3. Phòng xuất 1

4. Phòng xuất khẩu 2

5. Phòng tổ chức, hành chính - kỹ thuật

6. Bộ phận quản lý kho

7. Bộ phận bảo vệ

+ các phân xưởng:

1. Phân xưởng chế biến chung:

- Phân xưởng chế biến số 2
- Phân xưởng chế biến số 3

2. Phân xưởng dịch vụ

+ Các đội, ban quản lý khai thác nhựa thông:

- 1.Đội Bãi Dài - thành Phố Uông Bí - Quảng Ninh
- 2.Đội Bãi Soi - thành Phố Uông Bí - Quảng Ninh
- 3.Đội Khe Cát - thành xã Quảng Yên - Quảng Ninh
- 4.Đội Thống Nhất - huyện Hoàng Bồ - Quảng Ninh
- 5.Đội Mộc Bài - huyện Vân Đồn - Quảng Ninh
6. Ban quản lý Phương Đông - thành phố Uông Bí - Quảng Ninh
7. Ban quản lý hoàng Tân - thị xã Quảng Yên - Quảng Ninh
8. Ban quản lý Lê Lợi - huyện Hoành Bồ - Quảng Ninh

- Tổng số lao động đến ngày 31/12/2020: 314 người

- Các công ty con, công ty liên kết/*Subsidiaries, associated companies*: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết/*Specify the names, addresses, major fields of production and business, paid-in charter capital, ownership percentages of the Company in such subsidiaries, associated companies*).

+ Công ty cổ phần Thông Quảng Phú

- Địa chỉ: Khu công nghiệp Nam Đông Hà thành phố Đông Hà - tỉnh Quảng Trị

Số tiền vốn góp của công ty cổ phần Thông Quảng Ninh là 5,4 tỷ đồng (Năm tỷ tư đồng)

- Ngành nghề kinh doanh: Thu mua, chế biến nhựa thông và tiêu thụ sản phẩm

4. Định hướng phát triển/*Development orientations*

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty / *Main objectives of the Company.*

Sản xuất, kinh doanh bền vững chú trọng phát triển vùng nguyên liệu, nghiên cứu công nghệ chế biến các sản phẩm, sau chế biến nhựa thông

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/*Development strategies in medium and long term.*

Ổn định sản xuất, kinh doanh đồng thời mở rộng và đầu tư trồng rừng vùng nguyên liệu nhựa thông trong tỉnh Quảng Ninh và những khu vực ngoài tỉnh có điều kiện. nghiên cứu từng bước có chọn lọc các thiết bị công nghệ chế biến sau từng hương và dầu thông phù hợp với thị trường trước mắt cũng như lâu dài...

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty / *Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability.*

Đảm bảo môi trường bền vững, an sinh xã hội và cộng đồng của công ty được ổn định

5. Các rủi ro/*Risks*:(Nếu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường, thiên tai, dịch

bệnh, ...)/Specify the risks probably affecting the production and business operations or the realization of the Company's objectives, including environmental risks).

- Chất lượng nhựa thông thu mua trong nước không ổn định, nguồn cung cấp nhựa thông còn nhiều hạn chế, mức độ cạnh tranh mua nguyên liệu nhựa thông trong nước của các doanh nghiệp trong nước và tư thương Trung Quốc ngày càng gia tăng.

- Nguồn nguyên liệu trong nước chưa đủ đáp ứng nhu cầu cho các Nhà máy chế biến nhựa thông trong nước, song xu hướng số nhựa thông thô trong nước bán cho các doanh nghiệp Trung Quốc qua đường tiểu ngạch ngày càng tăng.

- Thị trường tiêu thụ sản phẩm tùng hương và dầu thông không ổn định, giá bán giảm liên tục khó lường.

II. Tình hình hoạt động trong năm/ Operations in the Year

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/Situation of production and business operations

- Khai thác, thu mua nhựa thông đạt; 31.561 tấn
- Chế biến nhựa thông đạt; 31.842 tấn
- Doanh thu đạt; 982,405 tỷ đồng
- Kim ngạch xuất khẩu đạt; 36.590.845 USD
- Tổng lợi nhuận trước thuế đạt; 27,115 tỷ đồng
- Tiền lương bình quân của người lao động; 10,425 triệu đồng/ người/ tháng

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/ Results of business operations in the year: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp,... /specify the results achieved for the year. Specify major changes and movements in business strategy, revenue, profits, costs, markets, products, supplies, etc.

- Khai thác, thu mua nhựa thông tăng, nhập khẩu nhựa thông tăng

Chế biến nhựa thông tăng là do đầu tư, cải tạo, nâng cấp mới dây chuyền chế biến nhựa thông

Doanh thu tăng là do giá bán tăng

Kim ngạch xuất khẩu tăng là do giá bán tăng

Tổng lợi nhuận trước thuế đối với sản phẩm chính tăng là do yếu tố là do giá bán tăng.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch/Implementation situation/actual progress against the plan: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề/Comparing the actual progress with the targets and the results of the preceding years. Analyzing specific reasons of the unachievement/ achievement/excess of the targets and against the preceding years.

- Khai thác, thu mua nhựa thông trong năm so kế hoạch tăng 1.561 tấn; so với năm 2019 tăng 3,520 tấn

- Chế biến nhựa thông trong năm tăng; 1,242 tấn so với năm 2019

- Doanh thu trong năm tăng 72,4 tỷ đồng (8%) so với năm 2019

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm đối với kinh doanh chính tăng 19,852 tỷ đồng so với năm 2019

- Tiền lương bình quân của người lao động; 10,425 triệu đồng/ người/ tháng tăng so với năm 2019

2. Tổ chức và nhân sự/Organization and Human resource

- Danh sách Ban điều hành/List of the Board of Management: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác/List, curriculum vitae and ownership percentage of the Company's voting shares and other securities by the Company's General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managers.

+ Hội đồng quản Trị:

1. Ông; Dương Văn Thơm; chủ tịch HĐQT - Tổng giám đốc

- Sinh ngày 20/09/1962, Quê quán: Kinh Môn - Hải Dương

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

- Trình độ lý luận chính trị; cử nhân chính trị

- Thời gian tham gia HĐQT; Từ năm 2004 đến nay

- Thời gian giữ chức vụ; Chủ tịch HĐQT, giám đốc, Tổng giám đốc từ năm 2004 đến nay

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần và có quyền biểu quyết 21,98% vốn điều lệ

2. Ông; Trần Việt Hùng thành viên HĐQT - phó tổng giám đốc

- Sinh ngày 30/01/1972 - Quê quán: Thị xã Quảng Yên - Quảng Ninh

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

- Trình độ lý luận chính trị; Trung cấp

- Thời gian tham gia HĐQT; Từ năm 2007 đến nay

- Thời gian giữ chức vụ; thành viên HĐQT phó giám đốc, phó tổng giám đốc từ năm 2007 đến nay

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần và có quyền biểu quyết 14,43% vốn điều lệ

3. Ông; Dương Trọng Hiếu – Thành viên HĐQT – Phó tổng giám đốc

- Sinh ngày 08/08/1988 - Quê quán: Kinh Môn – Hải Dương

- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế

- Trình độ lý luận chính trị; Sơ cấp

- Thời gian tham gia HĐQT; Từ tháng 5 năm 2017 đến nay

- Thời gian giữ chức vụ; trợ lý Tổng giám đốc từ tháng 5/2013 đến 06/05/2017 từ ngày 07/05/2017 thành viên HĐQT – Phó tổng giám đốc.

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần và có quyền biểu quyết 1,906% vốn điều lệ

* Ban giám đốc:

1. Ông Dương Văn Thơm - Tổng giám đốc

2. Ông Trần Việt Hùng - Phó tổng giám đốc

3. Dương Trọng Hiếu - Phó tổng giám đốc

* Ban kiểm soát:

1. Ông; Trần Văn Sơn - Trưởng ban kiểm soát

- Sinh ngày 20/09/1957 - Quê quán: Văn Lộc - Hậu Lộc - Thanh hóa

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

- Trình độ lý luận chính trị; Trung cấp

- Thời gian tham gia ban kiểm soát từ tháng 5 năm 2017 đến nay

- Thời gian giữ chức vụ trưởng ban kiểm soát từ tháng 5 năm 2017 đến nay

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần và có quyền biểu quyết 1,62% vốn điều lệ

2. Ông Nguyễn Mạnh Khiêm – Thành viên ban kiểm soát

- Sinh ngày 01/06/1981 Quê quán; Phong Hải – Quảng Yên – Quảng Ninh

- Trình độ chuyên môn; Cử nhân kinh tế

- Trình độ lý luận chính trị; sơ cấp

- Thời gian tham gia ban kiểm soát từ năm 2009 đến 2012, từ tháng 5/2017 đến nay

- Nhân viên phòng KH nguyên liệu – kinh doanh – tiêu thụ công ty từ tháng 8/2003 đến tháng 9/2009, từ tháng 10/2009 trưởng phòng xuất khẩu công ty đến nay.

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần và có quyền biểu quyết 1,212% vốn điều lệ

2. Ông Tạ Ngọc Vượng - Thành viên ban kiểm soát

- Sinh ngày 11/02/1973 Quê quán; Ứng Hòa - Hà Nội

- Trình độ chuyên môn; Cử nhân kinh tế

- Trình độ lý luận chính trị; sơ cấp

- Thời gian tham gia ban kiểm soát từ tháng 04 năm 2014 đến nay

- Công tác tại phân xưởng chế biến - Quản đốc PXCB

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần và có quyền biểu quyết 1,22% vốn điều lệ

- Những thay đổi trong ban điều hành/changes in the Board of Management: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)/ (List the changes in the Board of Management in the year).

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động/ Number of staffs. Brief information and changes on the employee's policies.

+ Số lượng cán bộ, nhân viên, người lao động đến thời điểm 31/12/2020: 314 người, tất cả số người trong danh sách trên đều tham gia đóng BHXH, BHYT, BHTN theo luật lao động.

+ Chính sách với người lao động: Công ty luôn đảm bảo việc làm, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động. Tiền lương bình quân của người lao động năm 2020 đạt 10,425 triệu đồng/ người/ tháng tăng so với năm 2019

+ Các nội dung liên quan đến người lao động, Công ty thực hiện nghiêm túc theo quy định của luật lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/investment activities, project implementation

a) Các khoản đầu tư lớn/Major investments: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết)/specify major investments implemented for the year (including financial investments and project investment), the implementation progress of major projects. If the Company has conducted public offering for the projects, it is necessary to indicate the progress of implementation of the projects and analyze the reasons in case of achievement/failure to achieve the announced and committed targets

+ Năm 2020 đã đầu tư, cải tạo, nâng cấp mới dây chuyền chế biến nhựa thông đảm bảo yêu cầu trong việc sản xuất, kinh doanh của Công ty

b) Các công ty con, công ty liên kết/Subsidiaries, associated companies: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)/(Summarizing the operations and financial situation of the subsidiaries, associated companies).

+ Nhìn chung Công ty cổ phần Thông Quảng Phú hoạt động sản xuất, kinh doanh tốt, cổ tức được nhận phân phối cho Công ty cổ phần Thông Quảng Ninh năm 2020 là: 2.430.000.000 đồng

4. Tình hình tài chính/Financial situation

a) Tình hình tài chính/Financial situation

Chỉ tiêu/ Indicators	Năm/ Year 31/12/2019	Năm/ Year 31/12/2020	% tăng giảm/ % change
* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/Applicable for organization other than credit institutions and non-bank financial institutions: Tổng giá trị tài sản/Total asset	395.495.682.107	335.913.376.954	
Doanh thu thuần/Net revenue	895.066.744.278	967.425.631.293	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Profit from business activities	5.840.075.021	23.764.791.273	
Lợi nhuận khác/Other profits	1.423.462/586	3.351.044.382	
Lợi nhuận trước thuế/Profit before tax	7.263.537.607	27.115.835.655	
Lợi nhuận sau thuế/Profit after tax	5.318.034.589	21.414.382.213	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/Payout ratio	8,735%		
* Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/Applicable to credit institutions and non-bank financial institutions: Tổng giá trị tài sản/Total asset value			
Doanh thu/Revenues			
Thuế và các khoản phải nộp/Taxes and payables			
Lợi nhuận trước thuế/Before tax profit			
Lợi nhuận sau thuế/After tax profit			

- Các chỉ tiêu khác/ Other figures: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất/ depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/ Major financial indicators:

Chỉ tiêu/ Indicators	Năm/ Year 31/12/2019	Năm/ Year 31/12/2020	Ghi chú/Note
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratio + Hệ số thanh toán ngắn hạn/Current ratio:	1,19	1,26	

Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (<i>Short term Asset/Short term debt</i>) + Hệ số thanh toán nhanh/ <i>Quick ratio</i> : Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn <i>Short term Asset - Inventories</i> <i>Short term Debt</i>	0,56	0,85	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ <i>capital structure Ratio</i> + Hệ số Nợ/Tổng tài sản (<i>Debt/Total assets ratio</i>) + Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu (<i>Debt/Owner's Equity ratio</i>)	0,74 2,86	0,67 2,06	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ <i>Operation capability Ratio</i> + Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover</i> : Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (<i>Cost of goods sold/Average inventory</i>) + Vòng quay tổng tài Sản/ <i>Total asset turnover</i> : Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân (<i>Net revenue/ Average Total Assets</i>)	3,94 1,757	8,15 2,11	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ <i>Profitability</i> + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i>) + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (<i>profit after tax/ total capital Ratio</i>) + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/ Total assets Ratio</i>) + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (<i>Profit from business activities/ Net revenue Ratio</i>)	0,005 0,04 0,01 0,006	0,022 0,143 0,047 0,025	

Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/*For credit institutions and non-bankfinancial institutions*:

Chỉ tiêu/ <i>Indicators</i>	Năm/ <i>Year X-1</i>	Năm/ <i>Year X</i>	Ghi chú/ <i>Note</i>
1. Quy mô vốn/ <i>Capital size</i>			
- Vốn điều lệ/ <i>Charter Capital</i>			
Tổng tài sản có/ <i>Total assets</i>			
Tỷ lệ an toàn vốn/ <i>Capital adequacy ratio</i>			
2. Kết quả hoạt động kinh doanh/ <i>Operating results</i>			
Doanh số huy động tiền gửi/ <i>Cash deposits</i>			
Doanh số cho vay/ <i>Lendings</i>			
Doanh số thu nợ/ <i>Debt collection</i>			

Nợ quá hạn/ <i>Overdue debts</i>			
Nợ khó đòi/ <i>Bad debt</i>			
Hệ số sử dụng vốn/ <i>Incremental Capital Output Ratio</i>			
Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh/ <i>Overdue outstanding underwritten debt/ Total outstanding debt Ratio</i>			
Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ/ <i>Overdue debts/ Total debt Ratio</i>			
Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ/ <i>Bad debt/ Total debt Ratio</i>			
3. Khả năng thanh khoản/ <i>Solvency</i>			
Khả năng thanh toán ngay/ <i>Short term solvency</i>			
Khả năng thanh toán chung/ <i>General solvency</i>			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/*Shareholders structure, change in the owner's equity.*

a) Cổ phần/*Shares*: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài/*Specify total number and types of floating shares, number of freely transferable shares and number of preferred shares in accordance with the law, the Company's Charter and commitments of the owner. Where the company has securities traded in foreign countries or underwritten the issuance and listing of securities in foreign countries, it is required to specify the foreign markets, the number of securities to be traded or underwritten and important information concerning the rights and obligations of the company related to the securities traded or underwritten in foreign countries.*

- Tổng số cổ của Công ty đang lưu hành là: 3.599.980 cổ phần trong đó:

+ Số cổ phần được chuyển nhượng tự do là: 2.074.519 cổ phần

+ Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng gồm hội đồng quản trị và ban kiểm soát là: 1.525.461 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông/*Shareholders structure*: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài; cổ đông nhà nước và các cổ đông khác, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/*Specify shareholders structure by ownership percentages (major, minority shareholders); institutional and Individual shareholders; domestic and foreign shareholders; State and other shareholders; foreign shareholder's maximum percentages.*

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/*Change in the owner's equity*: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần kể từ khi thành lập bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v (thời điểm, giá trị, đối tượng chào bán, đơn vị cấp)/*specify equity increases including public offerings, private offerings, bond conversions, warrant conversions, Issuance of bonus shares, shares dividend, etc.*

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/*Transaction of treasury stocks*: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch/*Specify number of existing treasury stocks, list transactions of treasury stocks conducted for the year including trading times, prices and counter parties.*

e) Các chứng khoán khác/*Other securities*: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty)

liên quan đến việc phát hành chứng khoán/Specify other securities issues conducted during the year. Specify the number, characteristics of other types of floating securities and outstanding commitments of the Company to other individuals, organizations (including Company's staffs and managers) related to the securities issues.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ Environment-Social-Governance (ESG) Report of the Company

- Công tác môi trường của Công ty luôn được đảm bảo đúng quy định của pháp luật hiện hành

6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp/Total direct and indirect GHG emission

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính/ Measures and initiatives to reduce GHG emission.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/Management of raw materials:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.

- Nhựa thông đưa vào chế biến trong năm là 31.842 tấn

- Sản phẩm thu hồi đóng gói: Tùng hương; 23,111 tấn, dầu thông; 4,854 tấn

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization.

- Tỷ lệ thu hồi sản phẩm tùng hương và dầu thông là 88%/ 1 tấn nhựa thông qua chế biến trong đó; tùng hương thu hồi 72%, dầu thông 16%

6.3. Tiêu thụ năng lượng/Energy consumption:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/Energy consumption - directly and indirectly.

- Tiêu thụ than đơn: 1.721,71 tấn

- Tiêu thụ củi: 2.395,41 tấn

- Tiêu thụ điện năng là 1.172.002 KW trong đó dùng cho sản xuất; 1.054.802 kw, dùng cho công tác quản lý; 17.200kw

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/Energy savings through initiatives of efficiently using energy.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives.

6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ Water consumption (water consumption of business activities in the year)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/ Water supply and amount of water used.

- Tiêu thụ nước do Nhà nước cung cấp trong năm là; 81.838 M3 trong đó, dùng cho sản xuất; 77.746 M3, dùng cho quản lý, 4.092 M3

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng Percentage and total volume of water recycled and reused.

- Tái sử dụng nước Công ty đang nghiên cứu và thử nghiệm để tái sử dụng.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/Compliance with the law on environmental protection:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/the total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động/Policies related to employees

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/ *Number of employees, average wages of workers.*

- Số lao động đến 31/12/2020; 314 người tiền lương bình quân tháng 10,425 triệu đồng/ người/ tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/*Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.*

+ Công ty trang bị BHLĐ trang thiết bị cần thiết cho người lao động theo quy định, khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho người lao động, đồng thời hỗ trợ kinh phí cho người lao động, tham quan du lịch, thăm hỏi ốm đau và thăm viếng người thân qua đời...

c) Hoạt động đào tạo người lao động/*Employee training*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/*The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff*

+ Hàng năm công ty bồi dưỡng, học tập nâng cao tay nghề cho người công nhân lao động để nâng cao tay nghề, như thi nâng cấp bậc lương cho các ngành nghề theo yêu cầu của doanh nghiệp.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/*The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.*

+ Công ty hỗ trợ kinh phí khuyến khích người lao động tham gia học tập chuyên môn, kỹ thuật thông qua các trường đào tạo, từ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng và đại học cho các đối tượng có nhu cầu.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ *Report on responsibility for local community.*

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/*The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.*

+ Hàng năm công ty hỗ trợ cho các đối tượng người nghèo, Mẹ VNAH, trẻ mồ côi, trẻ tàn tật, vùng khó khăn, thiên tai trong và ngoài tỉnh

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/*Report on green capital market activities under the guidance of the ssc.*

Lưu ý/Note: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm)/(As for Section 6 of Part II of this Appendix, the company may set up a separate Sustainability Development Report, in which the items 6.1, 6.2 and 6.3 are not mandatory for companies operating in sector of finance, banking, securities and insurance).

Khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng các chuẩn mực báo cáo quốc tế trong việc báo cáo Phát triển bền vững/*Public companies are encouraged to apply the globally accepted reporting and disclosure standards in preparing their sustainability reports.*

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ *Reports and assessments of the Board of Management (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty / the Board of Management reports and assesses the Company's situation through every facet)*

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau/*The Board of Management's reports and assessments shall include at least the following contents:*

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/*Assessment of operating results*

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)/*General analysis of company's operations against the previous operating targets and results. In case of failing to meet the operating results and targets, the Board of Management must clearly state the reasons and their responsibilities for such results (if any).*

+ Đánh giá chung mặc dù trong năm qua việc sản xuất và kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn, song sự đoàn kết nội bộ, bám sát thị trường, dự báo kịp thời những biến động tăng, giảm giá của thị trường nguyên liệu trong nước cũng như nhập khẩu nhựa thông có lợi thế về giá vốn nguyên liệu, giá bán tăng. Năm 2020 hiệu quả SXKD tăng so với năm 2019.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được/The Company's achievements.

+ Trong năm 2020 đã đầu tư dây chuyền chế biến tùng hương hạt, cải tạo, nâng cấp mới dây chuyền chế biến nhựa thông đảm bảo yêu cầu trong việc sản xuất, kinh doanh của Công ty

+ Tài nguyên rừng được giữ vững và phát triển.

2. Tình hình tài chính/Financial Situation

a) Tình hình tài sản/Assets

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản và nợ phải thu quá hạn ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)/ Analysis of assets and changes in assets (analysis and assessment of the efficiency of assets usage and bad receivable debts that affect operating results).

+ Tình hình tài sản sử dụng vốn năm 2020 trong bối cảnh kinh tế năm luôn biến động khó lường, Công ty đã điều hành tốt mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh.

b) Tình hình nợ phải trả/Debt Payable

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ Current debts, major changes of debts.

+ Các khoản thanh toán nợ đến hạn Công ty luôn đảm bảo đúng hạn không có nợ quá hạn đối với khách hàng...

- Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/Analysis of bad debts, impacts of the exchange rate changes on operating results of the Company and impacts of lending rate changes.

+ Chênh lệch tỷ giá vay ngoại tệ có ảnh hưởng lớn đến hiệu quả SXKD.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/Improvements in organizational structure, policies, and management.

+ Tiếp tục sắp xếp, cơ cấu lại lao động hợp lý, cải tiến quy trình sản xuất để sản phẩm đạt chất lượng tốt hơn, tỷ lệ thành phẩm thu hồi cao hơn, quản lý chặt chẽ chất lượng nhựa thông nhập kho, nâng cao năng suất lao động nhằm hạ giá thành sản phẩm, nâng cao sức cạnh tranh và hiệu quả trong kinh doanh.

+ Chính sách tiền lương tiếp tục có sự thay đổi khi thực hiện cơ chế khoán tiền lương cho các phòng ban, bộ phận gắn liền với kết quả đạt được trong năm. Chính cơ chế khoán là động lực thúc đẩy tinh thần và thái độ làm việc của người lao động được tốt hơn.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/Development plans in future

+ Công ty tiếp tục nâng cao sản lượng thu mua, khai thác và nhập khẩu nhựa thông để đảm bảo đủ nguyên liệu nhựa thông chế biến cho các dây chuyền đạt công suất thiết bị. Đồng thời đảm bảo dự trữ nguyên, vật liệu tồn kho hợp lý nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần)/Explanation of the Board of Management for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not unqualified).

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/Assessment Report related to environmental and social responsibilities of the Company

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/ Assessment concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions, etc.).

+ Công tác, tác động môi trường về tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải cơ bản chấp hành tốt theo quy định của pháp luật hiện hành

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/*Assessment concerning the labor issues*

+ Công ty luôn đảm bảo việc làm, thu nhập của người lao động, quan tâm sức khỏe và phúc lợi đến người lao động

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/*Assessment concerning the corporate responsibility for the local community*

+ Công tác xã hội Công ty luôn quan tâm thực hiện kịp thời những hoàn cảnh khó khăn của người nghèo trên địa bàn, hỗ trợ kinh phí cho các đơn vị khó khăn trong và ngoài tỉnh thường xuyên cũng như đột xuất...

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/*Assessments of the Board of Directors on the Company's operation (for joint stock companies)*

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/*Assessments of the Board of Directors on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.*

+ Trong quá trình hoạt động luôn chấp hành nghiêm chỉnh mọi chủ trương của đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Tuân thủ mọi hoạt động theo điều lệ công ty, phát huy dân chủ, đoàn kết nội bộ, chủ động sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trước cổ đông và người lao động.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/*Assessment of Board of Directors on Board of Management's performance*

+ Năng động, sáng tạo, luôn tìm hướng đi thích hợp trong điều hành các hoạt động chung của Công ty, phát huy dân chủ, đoàn kết nội bộ, chăm lo đến quyền và lợi ích của người lao động và các cổ đông.

+ Năm 2020 hoàn thành tốt nhiệm vụ trong điều hành sản xuất, kinh doanh.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/*Plans and orientations of the Board of Directors*

+ Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị sẽ trình bày và thông qua tại đại hội đồng cổ đông năm 2020 (Nhiệm kỳ 2019 - 2023)

V. Quản trị công ty/*Corporate governance*

1. Hội đồng quản trị/*Board of Directors*

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/*Members and structure of the Board of Directors*: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác/(*The list of members of the Board of Directors, ownership percentages of voting shares and other securities issued by the company, the list of independent members and other members; the list of positions that a member of the Board of Directors at the Company hold at other companies*).

+Thành viên và cơ cấu hội đồng quản trị:

- Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 (nhiệm kỳ năm 2017 - 2021) của Công ty có 3 thành viên như sau:

1. Ông: Dương Văn Thom - Chủ tịch HĐQT - Tổng giám đốc

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết; 21,98% vốn điều lệ của công ty

- Chức danh nắm giữ ở Công ty khác - chủ tịch HĐQT - Tổng giám đốc công ty cổ phần Thông Quảng Phú (Quảng Trị)

2. Ông: Trần Việt Hùng- thành viên HĐQT - Phó tổng giám đốc công ty

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết; 14,23% vốn điều lệ của công ty

- Chức danh nắm giữ ở Công ty khác - Thành viên HĐQT - Phó tổng giám đốc công ty cổ phần Thông Quảng Phú (Quảng Trị)

3. Ông: Dương Trọng Hiếu – Thành viên HĐQT – Phó tổng giám đốc

-Tỷ lệ sở hữu cổ phần và có quyền biểu quyết 1,906% vốn điều lệ

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/the committees of the Board of Directors: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban/The list of the subcommittees of the Board of Directors and list of members of each subcommittee).

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/Activities of the Board of Directors: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp/Assessing activities of the Board of Directors and specifying the number of Board of Directors meetings, their contents and results.

Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content
1	Họp HĐQT	13/4/2020	<ul style="list-style-type: none">- Công tác chuẩn bị và thủ tục để phục vụ cho đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020- Thông qua nội dung báo cáo thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2019, phương hướng nhiệm vụ năm 2020
2	HĐQT quyết định số 02/QĐ -CT	18/04/2020	Về việc triệu tập đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020
3	NQ HĐQT số 03/2020/NQ -CPTQN	31/05/2020	<ul style="list-style-type: none">- Căn cứ kế hoạch SXKD được thông qua đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020- HĐQT ủy quyền cho Ông: Dương Văn Thơm; Chủ tịch HĐQT - TGD Công ty được toàn quyền ký kết các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp và các giấy tờ khác liên quan đến thủ tục vay vốn tại chi nhánh Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh trong thời gian ông Dương Văn Thơm vắng mặt ủy quyền cho ông

			Trần Việt Hùng chức vụ thành viên HĐQT - phó TGD và Ông Dương Trọng Hiếu thành viên HĐQT – phó TGD công ty được phép ký các giấy tờ liên quan đến thủ tục vay vốn tại chi nhánh ngân hàng Ngoại thương Quảng Ninh phù hợp với quy định của pháp luật.
4	HĐQT họp	04/07/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Đổi mới cơ chế, chiến lược mở rộng phát triển vùng nguyên liệu, đẩy mạnh nhập khẩu nguyên liệu nhựa thông - Nâng cao quản lý chất lượng môi trường đúng quy định - Xem xét nguồn cung cấp vật liệu làm bao bì để đảm bảo SXKD ổn định, phấn đấu giảm chi phí giá thành sản xuất.
5	HĐQT họp	01/10/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, năng suất lao động, tăng cường các biện pháp, chấn chỉnh việc chấp hành nội quy của Công ty
6	HĐQT họp với ban giám đốc công ty	02/12/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Hàng tháng hoặc đột xuất

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/ *Activities of the Board of Directors independent members*. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors' subcommittees*: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessing activities of the subcommittees of the Board of Directors, specifying the number of meetings of each subcommittee, their contents and results*).

- Nội dung đưa ra bàn bạc, thảo luận trong các cuộc họp HĐQT đều được sự đồng thuận tuyệt đối trong các thành viên HĐQT.

- Các cuộc họp HĐQT tham gia họp cùng ban giám đốc, trưởng các phòng, ban, bộ phận, nhằm bàn bạc, tháo gỡ những khó khăn trong SXKD. Các giải pháp khắc phục, phương hướng thực hiện các nhiệm vụ hàng kỳ, được tổ chức hàng tháng hoặc đột xuất, diễn ra với tinh thần thẳng thắn, xây dựng. Chính vì

vậy HĐQT và ban giám đốc luôn phát huy được tính sáng tạo, ý chí tập thể trong việc đưa ra các giải pháp kinh doanh hợp lý.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/*the list of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance. The list of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year.*

2. Ban Kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán /Board of Supervisors/Audit Committee

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/*Members and structure of the Board of Supervisors/ Audit Committee:* (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/*The list of members of the Board of Supervisors, ownership percentages of voting shares and other securities issued by the company*).

1. Ông; Trần Văn Sơn - Trưởng ban kiểm soát

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần và có quyền biểu quyết 1,62% vốn điều lệ

2. Ông Nguyễn Mạnh Khiêm – Thành viên ban kiểm soát

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần và có quyền biểu quyết 1,212% vốn điều lệ

3. Ông Tạ Ngọc Vượng - Thành viên ban kiểm soát

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần và có quyền biểu quyết 1,22% vốn điều lệ

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/*Activities of the Board of Supervisors/ Audit Committee:* (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessing activities of the Board of Supervisors/ Audit Committee, specifying the number of Board of Supervisors'/ Audit Committee's meetings, their contents and results*).

- Hoạt động của ban kiểm soát:

+ Năm 2020 ban kiểm soát đã hoạt động đảm bảo đúng quy chế và chức năng, nhiệm vụ quy định tại điều lệ công ty và pháp luật hiện hành.

+ Từng thời gian trong năm ban kiểm soát đều thực hiện công tác kiểm tra, giám sát độ chính xác của các hoạt động phát sinh trong công ty. Giám sát việc HĐQT và ban giám đốc tuân thủ thực hiện theo điều lệ công ty quy định và pháp luật hiện hành.

+ Số lượng, nội dung. Kết quả các cuộc họp của Ban kiểm soát năm 2020

STT	Số NQ/QĐ	Nội dung
1	Họp BKS	- Giám sát thực hiện chế biến nhựa thông theo quy định của công ty
2	Họp BKS	- thông qua nội dung báo cáo của ban kiểm soát trình đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020
3	Họp sản xuất do BGD triệu tập	- Thường xuyên và đột xuất

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/*Transactions, remunerations and benefits of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors/ Audit Committee*

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/*Salary, rewards, remuneration and benefits*; (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hoá bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ/*Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, the Board of Supervisors/ Audit Committee, Director and General Director and managers. Values of such remuneration, benefits and expenses shall be disclosed in details for each person. Nonmaterial benefits which have not been/cannot be quantified by cash shall be listed and explained*).

STT	Họ Tên	Chức danh	Tổng lương và phụ cấp năm 2020 (đồng)
1	Ông Dương Văn Thom	CTHĐQT- TGD	610.875.346
2	Ông; Trần Việt Hùng	TV HĐQT - Phó TGD	420.439.107
3	Ông; Dương Trọng Hiếu	TV HĐQT - Phó TGD	829.783.708
4	Ông; Trần Văn Sơn	Trưởng Ban kiểm soát	51.077.700
5	Ông Nguyễn Mạnh Khiêm	TV BKS	304.832.577
6	Ông Tạ Ngọc Vượng	TV BKS	308.781.775

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ/*Share transactions by internal shareholders*: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about share transactions of members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors/ Audit Committee, Director (General Director), Chief Accountant, the company's managers, secretaries, major shareholders and their affiliated persons*).

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ/*Contracts or transactions with internal shareholders*: Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about the contracts, or transactions signed or executed in the year by the members of the Board of Directors, Board of Supervisors/ Audit Committee, Director (General Director), managers and affiliated persons with the Company, subsidiaries, and other companies in which the Company holds the control right*.

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/*Assessing the Implementation of regulations on corporate governance*: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/*Specifying the contents which have not been implemented in accordance with the*

laws on corporate governance, specifying reasons and solutions to improve the efficiency of corporate governance).

VI. Báo cáo tài chính/ Financial statements

1. Ý kiến kiểm toán/Auditor's opinions

- Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thông quang Ninh tại ngày 31/12/2020, cũng như kết hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/Audited financial statements (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ/ Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance with the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and clearly state the addresses where the financial statements of the parent company to be published and provided).

- Báo cáo tài chính của Công ty đã được Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính, kế toán và kiểm toán (AASC) thực hiện hoàn tất công tác kiểm toán năm 2020 vào ngày 15 tháng 03 năm 2021.

Nơi nhận: Recipients:

-;
- Lưu: VT, ...
- Archived:...

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)
(Signature, full name and seal)



TRƯỞNG GIÁM ĐỐC
Dương Văn Chờm

